

BÁO CÁO SĨ SỐ SINH VIÊN TOÀN TRƯỜNG
(Tính đến 03/6/2024)

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp/Khóa	Đang học	Ghi chú
Khoa Điện - Điện tử				1.628	
2016				1	
1	Cao đẳng - Chuyên nghiệp	Điện tử công nghiệp	16CĐ-ĐTCN1	1	Đơn xin cứu xét gia hạn thời gian đào tạo để trả nợ môn do hoàn thành NVQS (hết T12/2024)
2018				123	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)		18T4	53	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (Buổi tối)	Điện công nghiệp	18T7-ĐCN1	4	Nợ môn
3	Cao đẳng - 2,5N		18C1	66	Nợ môn
2019				78	
1	Trung cấp - 1N3	Điện công nghiệp	19T2-ĐCN1	1	Đơn xin gia hạn thời gian đào tạo do đi NVQS (đến hết T2/2026)
2	Trung cấp - 3N (GDNN)		19T4	37	Nợ môn
3	Cao đẳng - 2,5N		19C1	40	Nợ môn
2020				211	
1	Trung cấp - 1N3	Điện công nghiệp	20T2-ĐCN1	6	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)		20T4	89	Nợ môn
3	Cao đẳng - 2,5N		20C1	100	Nợ môn
4	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	20C2-ĐĐT1	1	Bảo lưu, xin học lại do đi DQTV, gia hạn đến hết T9/2025
5	Cao đẳng - CLC	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	20C3-ĐĐT1	2	Nợ môn
6	Cao đẳng - CLC song hành Vinfast	Cơ điện tử	20C5-CĐT1	3	Nợ môn
7	Cao đẳng - CLC TTTN Nhật	Cơ điện tử	20C6-CĐT1	10	Nợ môn
2021				261	
1	Trung cấp - 1N3	Điện công nghiệp	21T2-ĐCN1	8	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)		21T4	125	Nợ môn
3	Cao đẳng - 2,5N		21C1	108	Nợ môn
4	Cao đẳng - CLC	Cơ điện tử	21C3-CĐT1	5	Nợ môn
5	Cao đẳng - CLC song hành Vinfast	Cơ điện tử	21C5-CĐT1	8	Nợ môn
6	Cao đẳng - LKQT	Điện công nghiệp	21C7-ĐCN1	7	Nợ môn
2022				374	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cơ điện tử	22T4-CĐT1	36	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Điện công nghiệp	22T4-ĐCN1	49	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	22T4-ĐĐT1	37	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật điều khiển tự động	22T4-TĐH1	20	
5	Cao đẳng - 2,5N	Cơ điện tử	22C1-CĐT1	37	
6	Cao đẳng - 2,5N	Điện công nghiệp	22C1-ĐCN1	38	
7	Cao đẳng - 2,5N	Điện công nghiệp	22C1-ĐCN2	24	
8	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	22C1-ĐĐT1	40	
9	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	22C1-TĐH1	35	
10	Cao đẳng - LT		22C2B	43	Nợ môn
11	Cao đẳng - LT		22C2	15	Nợ môn
2023				559	
1	Trung cấp - 3N (GDTX)	Điện công nghiệp	23T3-ĐCN1BP	27	TT GDTX Bình Phước
2	Trung cấp - 3N (GDTX)	Điện công nghiệp	23T3-ĐCN1DH	57	TTGDTX Duyên Hải - TV
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cơ điện tử	23T4-CĐT1	26	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Điện công nghiệp	23T4-ĐCN1	56	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	23T4-ĐĐT1	39	

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp/Khóa	Đang học	Ghi chú
6	Trung cấp - 1N (Buổi tối)	Điện công nghiệp	23T5-ĐCN1	50	
7	Cao đẳng - 2,5N	Cơ điện tử	23C1-CĐT1	20	
8	Cao đẳng - 2,5N	Điện công nghiệp	23C1-ĐCN1	60	
9	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	23C1-ĐĐT1	47	
10	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	23C1-TĐH1	29	
11	Cao đẳng - LT	Cơ điện tử	23C2-CĐT1	44	
12	Cao đẳng - LT	Điện công nghiệp	23C2-ĐCN1	39	
13	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	23C2-ĐĐT1	29	
14	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	23C2-TĐH1	28	
15	Cao đẳng - CLC song hành Doanh nghiệp	Điện công nghiệp	23C8-ĐCN1	8	
2024				21	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cơ điện tử	24T4-CĐT1	3	SV khóa mới
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Điện công nghiệp	24T4-ĐCN1	8	SV khóa mới
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	24T4-ĐĐT1	5	SV khóa mới
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Điện tử công nghiệp	24T4-ĐTC1	2	SV khóa mới
5	Cao đẳng - 2,5N	Điện công nghiệp	24C1-ĐCN1	1	SV khóa mới
6	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	24C1-ĐĐT1	1	SV khóa mới
7	Cao đẳng - 2,5N	Điện tử công nghiệp	24C1-ĐTC1	1	SV khóa mới
Khoa Cơ khí				1.242	
2018				90	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)		18T4	24	Nợ môn
2	Cao đẳng - 2,5N		18C1	66	Nợ môn
2019				105	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)		19T4	50	Nợ môn
2	Cao đẳng - 2,5N		19C1	52	Nợ môn
3	Cao đẳng - CLC	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C3-CCK1	3	Nợ môn
2020				187	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)		20T4	70	Nợ môn
2	Cao đẳng - 2,5N		20C1	107	Nợ môn
3	Cao đẳng - CLC		20C3	10	Nợ môn
2021				183	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)		21T4	69	Nợ môn
2	Cao đẳng - 2,5N		21C1	103	Nợ môn
3	Cao đẳng - CLC	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	21C3-CCK1	3	Nợ môn
4	Cao đẳng - LKQT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	21C7-CCK1	8	Nợ môn
2022				322	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	22T4-CCK1	54	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cơ khí chế tạo	22T4-CKC1	20	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ chế tạo máy	22T4-CTM1	19	
4	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	22C1-CCK1	32	
5	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	22C1-CCK2	44	
6	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	22C1-CCK3	42	
7	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	22C1-CCK4	32	
8	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ chế tạo máy	22C1-CTM1	31	
9	Cao đẳng - LT		22C2B	20	Nợ môn
10	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	22C2-CCK1	2	Nợ môn
11	Cao đẳng - CLC	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	22C3-CCK1	13	
12	Cao đẳng - LKQT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	22C7-CCK1	13	
2023				341	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23T4-CCK1	45	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23T4-CCK2	31	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ chế tạo máy	23T4-CTM1	36	
4	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23C1-CCK1	54	
5	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23C1-CCK2	46	
6	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23C1-CCK3	31	
7	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ chế tạo máy	23C1-CTM1	17	
8	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23C2-CCK1	30	
9	Cao đẳng - LT	Cắt gọt kim loại	23C2-CKL1	18	
10	Cao đẳng - LT	Công nghệ chế tạo máy	23C2-CTM1	33	

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp/Khóa	Đang học	Ghi chú
2024				14	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	24T4-CCK1	7	SV khóa mới
2	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	24C1-CCK1	2	SV khóa mới
3	Cao đẳng - 2,5N	Cắt gọt kim loại	24C1-CKL1	2	SV khóa mới
4	Cao đẳng - LT	Cắt gọt kim loại	24C2-CKL1	2	SV khóa mới
5	Cao đẳng - LT	Công nghệ chế tạo máy	24C2-CTM1	1	SV khóa mới
Khoa Động lực				2.663	
2016				2	
1	Trung cấp nghề - (Niên chế)	Công nghệ Ô tô	16TCN-Ô1	1	Đơn xin gia hạn thời gian đào tạo do hoàn thành nghĩa vụ quân sự ngày 13/11/2023
2	Cao đẳng - Chuyên nghiệp	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	16CĐ-Ô1	1	Đơn xin gia hạn thời gian đào tạo (ngày 08/02/2023) do hoàn thành NVQS, kéo dài đến hết T12/2024
2017				1	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	17T4-CNÔ2	1	Ban Giám hiệu duyệt cho học trả nợ môn do hoàn thành nghĩa vụ quân sự theo đơn PH ngày 27/9/2023
2018				201	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	18T4	66	Nợ môn
2	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	18C1	135	Nợ môn
2019				161	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	19T4	91	Nợ môn
2	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	19C1	69	Nợ môn
3	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	19C3-CNÔ3	1	Nợ môn
2020				244	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	20T4	83	Nợ môn
2	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	20C1	117	Nợ môn
3	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	20C3	16	Nợ môn
4	Cao đẳng - CLC song hành Vinfast	Công nghệ ô tô	20C5-CNÔ1	1	Nợ môn
5	Cao đẳng - CLC TTTN Nhật	Công nghệ ô tô	20C6	27	Nợ môn
2021				327	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	21T4	123	Nợ môn
2	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	21C1	148	Nợ môn
3	Cao đẳng - LT	Công nghệ ô tô	21C2-CNÔ1	5	Nợ môn
4	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	21C3-CNÔ1	26	Nợ môn
5	Cao đẳng - CLC song hành Vinfast	Công nghệ ô tô	21C5-CNÔ1	8	Nợ môn
6	Cao đẳng - CLC TTTN Nhật	Công nghệ ô tô	21C6	17	Nợ môn
2022				729	
1	Trung cấp - 1N3	Công nghệ ô tô	22T2-CNÔ1	7	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	22T4-CNÔ1	42	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	22T4-CNÔ2	31	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	22T4-CNÔ3	40	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	22T4-CNÔ4	34	
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	22T4-CNÔ5	37	
7	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	22T4-CNÔ6	37	
8	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	22C1-CNÔ1	47	
9	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	22C1-CNÔ2	44	
10	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	22C1-CNÔ3	44	
11	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	22C1-CNÔ4	40	
12	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	22C1-CNÔ5	36	
13	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	22C1-CNÔ6	39	
14	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	22C1-CNÔ7	39	
15	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	22C1-CNÔ8	37	
16	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	22C1-CNÔ9	49	

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp/Khóa	Đang học	Ghi chú
17	Cao đẳng - LT	Công nghệ ô tô	22C2B	25	Nợ môn
18	Cao đẳng - LT	Công nghệ ô tô	22C2-CNÔ1	6	Nợ môn
19	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	22C3-CNÔ1	26	
20	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	22C3-CNÔ2	25	
21	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	22C3-CNÔ3	29	
22	Cao đẳng - CLC TTTN Nhật	Công nghệ ô tô	22C6-CNÔ1	15	
2023				919	
1	Trung cấp - 1N3	Công nghệ ô tô	23T2-CNÔ1	26	
2	Trung cấp - 3N (GDTX)	Công nghệ ô tô	23T3-CNÔ1CK	50	TTGDTX Cầu Kè - TV
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	23T4-CNÔ1	48	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	23T4-CNÔ2	46	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	23T4-CNÔ3	41	
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	23T4-CNÔ4	47	
7	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	23T4-CNÔ5	42	
8	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	23T4-CNÔ6	36	
9	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	23C1-CNÔ1	49	
10	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	23C1-CNÔ2	51	
11	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	23C1-CNÔ3	55	
12	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	23C1-CNÔ4	52	
13	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	23C1-CNÔ5	52	
14	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	23C1-CNÔ6	48	
15	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	23C1-CNÔ7	52	
16	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	23C1-CNÔ8	38	
17	Cao đẳng - LT	Công nghệ ô tô	23C2-CNÔ1	45	
18	Cao đẳng - LT	Công nghệ ô tô	23C2-CNÔ2	34	
19	Cao đẳng - LT	Công nghệ ô tô	23C2-CNÔ3	35	
20	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	23C3-CNÔ1	34	
21	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	23C3-CNÔ2	38	
2024				79	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	24T4-CNÔ1	58	SV khóa mới
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	24T4-CNÔ2	12	SV khóa mới
3	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	24C1-CNÔ1	9	SV khóa mới
Khoa Công nghệ Thông tin				2.880	
2018				131	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)		18T4	94	Nợ môn
2	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật máy tính	18C1	37	Nợ môn
2019				206	
1	Trung cấp - 1N3	Quản trị mạng máy tính	19T2-QTM1	1	Bảo lưu, xin học lại do đi NVQS, gia hạn đến hết T2/2026
2	Trung cấp - 3N (GDNN)		19T4	171	Nợ môn
3	Cao đẳng - 2,5N		19C1	33	Nợ môn
4	Cao đẳng - LT	Quản trị mạng máy tính	19C2-QTM1	1	Có đơn xin gia hạn thời gian đào tạo do đi NVQS, đến hết T7/2025
2020				264	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)		20T4	207	Nợ môn
2	Trung cấp - 1N (Buổi tối)	Tin học ứng dụng	20T5-THU1	1	Nợ môn
3	Cao đẳng - 2,5N		20C1	56	Nợ môn
2021				489	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)		21T4	381	Nợ môn
2	Cao đẳng - 2,5N		21C1	95	Nợ môn
3	Cao đẳng - CLC	Lập trình máy tính	21C3-LTM1	11	Nợ môn
4	Cao đẳng - LKQT	Lập trình máy tính	21C7-LTM1	2	Nợ môn
2022				754	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	An ninh mạng	22T4-ANM1	22	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính	22T4-CMT1	54	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Đồ họa đa phương tiện	22T4-ĐHĐ1	44	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Đồ họa đa phương tiện	22T4-ĐHĐ2	34	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	22T4-LTM1	38	

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp/Khóa	Đang học	Ghi chú
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	22T4-LTM2	38	
7	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	22T4-LTM3	28	
8	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị mạng máy tính	22T4-QTM1	46	
9	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	22T4-TKĐ1	42	
10	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	22T4-TKĐ2	37	
11	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	22T4-TKĐ3	35	
12	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế trang Web	22T4-TKW1	21	
13	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tin học ứng dụng	22T4-THU1	32	
14	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật máy tính	22C1-CMT1	35	
15	Cao đẳng - 2,5N	Lập trình máy tính	22C1-LTM1	35	
16	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị mạng máy tính	22C1-QTM1	14	
17	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế đồ họa	22C1-TKĐ1	53	
18	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế đồ họa	22C1-TKĐ2	31	
19	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế trang Web	22C1-TKW1	16	
20	Cao đẳng - 2,5N	Tin học ứng dụng	22C1-THU1	15	
21	Cao đẳng - LT		22C2B	67	Nợ môn
22	Cao đẳng - LT		22C2	7	Nợ môn
23	Cao đẳng - LKQT	Lập trình máy tính	22C7-LTM1	10	
2023				969	
1	Trung cấp - 3N (GDTX)	Tin học ứng dụng	23T3-THU1BP	30	TT GDTX Bình Phước
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính	23T4-CMT1	39	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Đồ họa đa phương tiện	23T4-ĐHĐ1	53	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	23T4-LTM1	61	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	23T4-LTM2	46	
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị mạng máy tính	23T4-QTM1	46	
7	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	23T4-TKĐ1	50	
8	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	23T4-TKĐ2	49	
9	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	23T4-TKĐ3	34	
10	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế trang Web	23T4-TKW1	24	
11	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tin học ứng dụng	23T4-THU1	39	
12	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật máy tính	23C1-CMT1	29	
13	Cao đẳng - 2,5N	Đồ họa đa phương tiện	23C1-ĐHĐ1	25	
14	Cao đẳng - 2,5N	Lập trình máy tính	23C1-LTM1	57	
15	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị mạng máy tính	23C1-QTM1	19	
16	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế đồ họa	23C1-TKĐ1	58	
17	Cao đẳng - LT	An ninh mạng	23C2-ANM1	16	
18	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật máy tính	23C2-CMT1	33	
19	Cao đẳng - LT	Đồ họa đa phương tiện	23C2-ĐHĐ1	37	
20	Cao đẳng - LT	Lập trình máy tính	23C2-LTM1	50	
21	Cao đẳng - LT	Quản trị mạng máy tính	23C2-QTM1	38	
22	Cao đẳng - LT	Thiết kế đồ họa	23C2-TKĐ1	32	
23	Cao đẳng - LT	Thiết kế đồ họa	23C2-TKĐ2	40	
24	Cao đẳng - LT	Thiết kế trang Web	23C2-TKW1	26	
25	Cao đẳng - LT	Tin học ứng dụng	23C2-THU1	38	
2024				67	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	An ninh mạng	24T4-ANM1	2	SV khóa mới
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính	24T4-CMT1	4	SV khóa mới
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Đồ họa đa phương tiện	24T4-ĐHĐ1	6	SV khóa mới
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	24T4-LTM1	19	SV khóa mới
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị mạng máy tính	24T4-QTM1	5	SV khóa mới
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	24T4-TKĐ1	15	SV khóa mới
7	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế trang Web	24T4-TKW1	2	SV khóa mới
8	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tin học ứng dụng	24T4-THU1	5	SV khóa mới
9	Cao đẳng - 2,5N	Đồ họa đa phương tiện	24C1-ĐHĐ1	2	SV khóa mới
10	Cao đẳng - 2,5N	Lập trình máy tính	24C1-LTM1	2	SV khóa mới
11	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị mạng máy tính	24C1-QTM1	1	SV khóa mới
12	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế đồ họa	24C1-TKĐ1	2	SV khóa mới
13	Cao đẳng - LT	Lập trình máy tính	24C2-LTM1	1	SV khóa mới
14	Cao đẳng - LT	Quản trị mạng máy tính	24C2-QTM1	1	SV khóa mới

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp/Khóa	Đang học	Ghi chú
Khoa Xây dựng - Nhiệt lạnh				1.032	
2018				107	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)		18T4	55	Nợ môn
2	Cao đẳng - 2,5N		18C1	52	Nợ môn
2019				101	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)		19T4	60	Nợ môn
2	Cao đẳng - 2,5N		19C1	41	Nợ môn
2020				134	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)		20T4	73	Nợ môn
2	Cao đẳng - 2,5N		20C1	61	Nợ môn
2021				147	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)		21T4	87	Nợ môn
2	Cao đẳng - 2,5N		21C1	60	Nợ môn
2022				232	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật Xây dựng	22T4-KXD1	11	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22T4-KML1	28	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	22T4-VSL1	47	
4	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật Xây dựng	22C1-KXD1	25	
5	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	22C1-CNL1	13	
6	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22C1-KML1	39	
7	Cao đẳng - 2,5N	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	22C1-VSL1	43	
8	Cao đẳng - LT		22C2B	25	Nợ môn
9	Cao đẳng - LT	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22C2-KML1	1	Nợ môn
2023				295	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật Xây dựng	23T4-KXD1	14	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	23T4-KML1	33	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	23T4-VSL1	52	
4	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật Xây dựng	23C1-KXD1	16	
5	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	23C1-CNL1	16	
6	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	23C1-KML1	42	
7	Cao đẳng - 2,5N	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	23C1-VSL1	20	
8	Cao đẳng - LT	Kỹ thuật Xây dựng	23C2-KXD1	32	
9	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	23C2-CNL1	12	
10	Cao đẳng - LT	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	23C2-KML1	20	
11	Cao đẳng - LT	Lắp đặt thiết bị lạnh	23C2-LĐL1	9	
12	Cao đẳng - LT	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	23C2-VSL1	29	
2024				16	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật Xây dựng	24T4-KXD1	1	SV khóa mới
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	24T4-KML1	2	SV khóa mới
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lắp đặt thiết bị lạnh	24T4-LĐL1	3	SV khóa mới
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	24T4-VSL1	6	SV khóa mới
5	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	24C1-CNL1	1	SV khóa mới
6	Cao đẳng - 2,5N	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	24C1-VSL1	1	SV khóa mới
7	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	24C2-CNL1	1	SV khóa mới
8	Cao đẳng - LT	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	24C2-KML1	1	SV khóa mới
Khoa Kinh tế				1.211	
2018				52	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)		18T4	41	Nợ môn
2	Cao đẳng - 2,5N		18C1	11	Nợ môn
2019				75	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)		19T4	59	Nợ môn
2	Cao đẳng - 2,5N		19C1	16	Nợ môn
2020				121	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)		20T4	91	Nợ môn

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp/Khóa	Đang học	Ghi chú
2	Cao đẳng - 2,5N		20C1	29	Nợ môn
3	Cao đẳng - LT	Kế toán doanh nghiệp	20C2-KTD1	1	Bảo lưu, xin học lại do đi NVQS, gia hạn đến hết T9/2025
2021				196	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)		21T4	156	Nợ môn
2	Cao đẳng - 2,5N		21C1	40	Nợ môn
2022				367	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kế toán doanh nghiệp	22T4-KTD1	36	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Logistics	22T4-LGT1	34	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	22T4-QTD1	49	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tài chính doanh nghiệp	22T4-TCD1	16	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thương mại điện tử	22T4-TMĐ1	22	
6	Cao đẳng - 2,5N	Kế toán doanh nghiệp	22C1-KTD1	44	
7	Cao đẳng - 2,5N	Logistics	22C1-LGT1	32	
8	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	22C1-QTD1	39	
9	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	22C1-QTD2	27	
10	Cao đẳng - 2,5N	Thương mại điện tử	22C1-TMĐ1	28	
11	Cao đẳng - LT		22C2B	38	Nợ môn
12	Cao đẳng - LT	Kế toán doanh nghiệp	22C2-KTD1	2	Nợ môn
2023				384	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kế toán doanh nghiệp	23T4-KTD1	36	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Logistics	23T4-LGT1	23	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	23T4-QTD1	37	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thương mại điện tử	23T4-TMĐ1	27	
5	Cao đẳng - 2,5N	Kế toán doanh nghiệp	23C1-KTD1	29	
6	Cao đẳng - 2,5N	Logistics	23C1-LGT1	31	
7	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	23C1-QTD1	23	
8	Cao đẳng - 2,5N	Thương mại điện tử	23C1-TMĐ1	20	
9	Cao đẳng - LT	Kế toán doanh nghiệp	23C2-KTD1	30	
10	Cao đẳng - LT	Kế toán doanh nghiệp	23C2-KTD2	23	
11	Cao đẳng - LT	Logistics	23C2-LGT1	22	
12	Cao đẳng - LT	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	23C2-QTD1	36	
13	Cao đẳng - LT	Tài chính doanh nghiệp	23C2-TCD1	21	
14	Cao đẳng - LT	Thương mại điện tử	23C2-TMĐ1	26	
2024				16	
1	Trung cấp - 1N3	Logistics	24T2-LGT1	1	SV khóa mới
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kế toán doanh nghiệp	24T4-KTD1	3	SV khóa mới
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Logistics	24T4-LGT1	2	SV khóa mới
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	24T4-QTD1	2	SV khóa mới
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tài chính doanh nghiệp	24T4-TCD1	2	SV khóa mới
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thương mại điện tử	24T4-TMĐ1	2	SV khóa mới
7	Cao đẳng - 2,5N	Logistics	24C1-LGT1	1	SV khóa mới
8	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	24C1-QTD1	2	SV khóa mới
9	Cao đẳng - 2,5N	Thương mại điện tử	24C1-TMĐ1	1	SV khóa mới
Khoa May - Thời trang				144	
2018				19	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ may và thời trang	18T4-CNM1	18	Nợ môn
2	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ may	18C1-CNM1	1	Nợ môn
2019				13	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ may và thời trang	19T4-CNM1	12	Nợ môn
2	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ may	19C1-CNM1	1	Nợ môn
2020				23	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ may và thời trang	20T4-CNM1	20	Nợ môn
2	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ may	20C1-CNM1	3	Nợ môn
2021				20	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ may	21T4-CNM1	20	Nợ môn
2022				40	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ may	22T4-CNM1	20	
2	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ may	22C1-CNM1	18	
3	Cao đẳng - LT	Công nghệ may	22C2B-CNM1	2	Nợ môn

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp/Khóa	Đang học	Ghi chú
2023				28	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ may	23T4-CNM1	13	
2	Cao đẳng - 2,5N	May thời trang	23C1-MTT1	6	
3	Cao đẳng - LT	Công nghệ may	23C2-CNM1	9	
2024				1	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	May thời trang	24T4-MTT1	1	SV khóa mới
Khoa Du lịch - Khách sạn				740	
2020				56	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)		20T4	49	Nợ môn
2	Cao đẳng - 2,5N		20C1	7	Nợ môn
2021				122	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)		21T4	116	Nợ môn
2	Cao đẳng - 2,5N		21C1	6	Nợ môn
2022				215	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật làm bánh	22T4-KLB1	41	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật làm bánh	22T4-KLB2	29	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị du lịch MICE	22T4-QDL1	21	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị khách sạn	22T4-QKS1	31	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Nghiệp vụ nhà hàng	22T4-QNH1	30	
6	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật làm bánh	22C1-KLB1	6	
7	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị khách sạn	22C1-QKS1	23	
8	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị lễ hành	22C1-QLH1	11	
9	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị nhà hàng	22C1-QNH1	23	
2023				322	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật làm bánh	23T4-KLB1	37	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật làm bánh	23T4-KLB2	31	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị du lịch MICE	23T4-QDL1	29	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị khách sạn	23T4-QKS1	35	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Nghiệp vụ nhà hàng	23T4-QNH1	51	
6	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật làm bánh	23C1-KLB1	11	
7	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị khách sạn	23C1-QKS1	29	
8	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị nhà hàng	23C1-QNH1	25	
9	Cao đẳng - LT	Kỹ thuật làm bánh	23C2-KLB1	14	
10	Cao đẳng - LT	Quản trị du lịch MICE	23C2-QDL1	23	
11	Cao đẳng - LT	Quản trị khách sạn	23C2-QKS1	24	
12	Cao đẳng - LT	Quản trị lễ hành	23C2-QLH1	6	
13	Cao đẳng - LT	Quản trị nhà hàng	23C2-QNH1	7	
2024				25	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật làm bánh	24T4-KLB1	12	SV khóa mới
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị khách sạn	24T4-QKS1	5	SV khóa mới
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị lễ hành	24T4-QLH1	2	SV khóa mới
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Nghiệp vụ nhà hàng	24T4-QNH1	5	SV khóa mới
5	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị khách sạn	24C1-QKS1	1	SV khóa mới
Khoa Ngoại ngữ				849	
2018				38	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	18T4	34	Nợ môn
2	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Anh	18C1-NNA1	4	Nợ môn
2019				35	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	19T4	34	Nợ môn
2	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Anh	19C1-NNA1	1	Nợ môn
2020				46	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	20T4	44	Nợ môn
2	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Anh	20C1-NNA1	2	Nợ môn
2021				94	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)		21T4	88	Nợ môn
2	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Anh	21C1-NNA1	5	Nợ môn
3	Cao đẳng - LKQT	Tiếng Anh	21C7-NNA1	1	Nợ môn
2022				171	
1	Trung cấp - 1N3	Tiếng Anh	22T2-NNA1	3	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	22T4-NNA1	36	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	22T4-NNA2	27	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Nhật	22T4-NTN1	21	

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp/Khóa	Đang học	Ghi chú
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Hàn Quốc	22T4-NHQ1	17	
6	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Anh	22C1-NNA1	40	
7	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Nhật	22C1-NTN1	12	
8	Cao đẳng - LT	Tiếng Anh	22C2B-NNA1	15	Nợ môn
2023				449	
1	Trung cấp - 3N (GDTX)	Tiếng Nhật	23T3-NTN1BP	55	TT GDTX Bình Phước
2	Trung cấp - 3N (GDTX)	Tiếng Hàn Quốc	23T3-NHQ1BP	57	TT GDTX Bình Phước
3	Trung cấp - 3N (GDTX)	Tiếng Hàn Quốc	23T3-NHQ1CB	67	TT GDTX Châu Đức-BR
4	Trung cấp - 3N (GDTX)	Tiếng Hàn Quốc	23T3-NHQ2BP	67	TT GDTX Bình Phước
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	23T4-NNA1	37	
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	23T4-NNA2	38	
7	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Nhật	23T4-NTN1	10	
8	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Hàn Quốc	23T4-NHQ1	11	
9	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Anh	23C1-NNA1	29	
10	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Nhật	23C1-NTN1	8	
11	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Hàn Quốc	23C1-NHQ1	6	
12	Cao đẳng - LT	Tiếng Anh	23C2-NNA1	35	
13	Cao đẳng - LT	Tiếng Anh	23C2-NNA2	29	
2024				16	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	24T4-NNA1	9	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Nhật	24T4-NTN1	4	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Hàn Quốc	24T4-NHQ1	2	
4	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Hàn Quốc	24C1-NHQ1	1	
Tổng cộng:				12.389	

1 Cao đẳng - Chuyên nghiệp	2
2 Cao đẳng - 2,5 năm	4.255
3 Cao đẳng - Chất lượng cao	242
4 Cao đẳng - Chất lượng cao song hành Vinfast	20
5 Cao đẳng - Chất lượng cao TTTN Nhật	69
6 Cao đẳng - Liên kết quốc tế	41
7 Cao đẳng - Chất lượng cao song hành Doanh nghiệp	8
8 Cao đẳng - Liên thông	1.335
9 Trung cấp nghề - (Niên chế)	1
10 Trung cấp - 1 năm 3 tháng	53
11 Trung cấp - 3 năm (GDNN)	5.898
12 Trung cấp - 3 năm (GDTX)	410
13 Trung cấp - 1 năm (Buổi tối)	51
14 Trung cấp - 3 năm (Buổi tối)	4
TỔNG CỘNG =	12.389

TRƯỞNG PHÒNG TTGD-QHDN



Nguyễn Văn Chiến

TP. HCM, ngày 03 tháng 06 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



TS. Phạm Hữu Lộc